*Phụ lục II*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị**…………….  ……………………..  Số: ……/BC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……., ngày…. tháng ……năm 20….* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA THẨM ĐỊNH**

**TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

**(Mức độ.......)**

Căn cứ Quyết định số:.................. .ngày .....tháng .....năm 20......về việc ....

Thành phần:.....................

Thời gian kiểm tra: .......ngày........ tháng......... năm 20…………

**A. Thông tin chung:**

***1. Tên trường: Mầm non***……………***huyện*** …………………

***2- Địa chỉ***: ...........................................Số điện thoại…………………

***3- Xét theo tiêu chuẩn***: **mức độ 1 (2**) …………………………

***4- Thành tích***:

-Tập thể Trường……………………...............

- Cá nhân: …………………………………………………..

**B- Kết quả thực hiện tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (2)**

**I. Tổ chức và quản lý.**

1. Công tác quản lý:

- Việc xây dựng kế hoạch, biện pháp tổ chức và quản lý các hoạt động, phân công cán bộ, giáo viên…………………………………….................

- Tổ chức và quản lý các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lề lối làm việc ........................................................................

- Quản lý và sử dụng CSVC, lưu hồ sơ, số sách…………………

- Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên và nhân viên.........… …

- Tổ chức và duy trì các phong trào thi đua……………….......

- Biện pháp nâng cao đời sống cho cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên……..

2. Công tác tổ chức

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ tên + chức danh  Nội dung | Hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng 1 | Phó hiệu trưởng 2 |  |
| T/gian CT liên tục trong GDMN |  |  |  |  |
| Trình độ CM |  |  |  |  |
| Trình độ QLGD |  |  |  |  |
| Trình độ lý luận chính trị |  |  |  |  |
| UDCNTT |  |  |  |  |
| Kết quả xếp loại theo quy định chuẩn hiệu trưởng, phó hiêu trưởng |  |  |  |  |
| Năng lực tổ chức, quản lý |  |  |  |  |
| Nắm vững CT GDMN |  |  |  |  |
| Phẩm chất đạo đức |  |  |  |  |
| Tín nhiệm của GV, nhân viên và nhân dân địa phương |  |  |  |  |
| Xếp loại danh hiệu thi đua |  |  |  |  |

3. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trong nhà trường...........................

4. Chấp hành sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp..............

**Đánh giá tiêu chuẩn tổ chức và quản lý:** *Đạt/chưa đạt*

**II. Đội ngũ giáo viên và nhân viên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Giáo viên | Nhân viên |
| Số lượng:  - Dạy nhóm trẻ  - Dạy lớp mẫu giáo |  |  |
| Trình độ đào tạo  - Tỷ lệ đạt trình độ chuẩn  - Tỷ lệ đạt trình độ trên chuẩn |  |  |
| Định mức giáo viên /trẻ  - Nhà trẻ  - Mẫu giáo |  |  |
| Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp trường: |  |  |
| Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp huyện trở lên: |  |  |
| Tỷ lệ đạt lao động tiên tiến |  |  |
| Tỷ lệ đạt CSTĐ |  |  |
| Số lượng GV, NV bị kỷ luật |  |  |
| Tỷ lệ GV đạt khá theo chuẩn NN GVMN: |  |  |
| Tỷ lệ GV đạt xuất sắc theo chuẩn NN GVMN: |  |  |
| Tỷ lệ GV bị xếp loại kém theo chuẩn NNGVMN: |  |  |
| Tham gia các hoạt động chuyên môn, chuyên đề, hoạt động XH: |  |  |
| Số lượng GV có KH tự bồi dưỡng:  Đạt tỷ lệ: |  |  |
| Ứng dụng CNTT |  |  |
| Quy hoạch phát triển đội ngũ, có kế hoạch bồi dưỡng tăng số lượng GV đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạ: |  | |
| Thực hiện chương trình bồi dưỡng TX, BD hè, chuyên đề |  | |
| Tỷ lệ GV có kế hoạch và thực hiện tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ |  | |
| Số GV có báo cáo cải tiến đổi mới phương pháp CS, GD trẻ trong từng năm *(mức độ 2)* |  | |
| Số GV có kế hoạch, kiến thức, kỹ năng CS, GD trẻ SDD, trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật *(mức độ 2*) |  | |

**Đánh giá tiêu chuẩn đội ngũ giáo viên và nhân viên:** *Đạt/chưa đạt*

**III.** **Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ**

**-** Chương trình GDMN Nhà trường đang thực hiện:..................................

- Kết quả hằng năm:

+ Tỷ lệ trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần:................................

+ Xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong nhà trường: Có/không

+ Tỷ lệ trẻ được khám sức khoẻ định kỳ:......................................................

+ Tỷ lệ chuyên cần của trẻ:

Trẻ dưới 5 tuổi..................................................................................

Trẻ 5 tuổi:..........................................................................

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân............................................................

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi...............................................

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng:..............................................

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN:..............................

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn PT trẻ 5 tuổi..............................

+Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi học 2 buổi/ngày..........................................................

+ Tỷ lệ nhóm có tổ chức bán trú.............., tỷ lệ lớp có tổ chức bán trú.....

+ Tỷ lệ trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ....................

**Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng CS, GD trẻ:** *Đạt/chưa đạt*

**IV. Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị**

1. Quy mô trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Xã/phường/thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMNTENT: Đạt/chưa đạt:

- Số điểm trường:.....................................................................................

- Tổng số trẻ trong trường:........................................................................

Trong đó: số trẻ nhà trẻ, ..............số trẻ mẫu giáo.....................................

- Số trẻ được ăn bán trú:...........................................................................

- Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:............................................................

Trong đó: Số lượng nhóm trẻ: ............chia theo độ tuổi............................

Số lượng lớp mẫu giáo:....... ...................., chia theo độ tuổi,. ……….......

2. Địa điểm trường:

- Khu trung tâm dân cư, thuận lợi cho trẻ đến trường ...............................

- Đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường:.......................

3. Yêu cầu về thiết kế, xây dựng:

- Diện tích mặt bằng sử dụng của trường mầm non bình quân m2/trẻ:

- Công trình xây kiên cố/bán kiên cố:......................................................

- Khuôn viên

- Cổng chính:..........................................................................................

- Nguồn nước sạch:..................................................................................

- Hệ thống thoát nước:.............................................................................

4. Các phòng chức năng:

a) Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Phòng sinh hoạt chung: diện tích trung bình m2/trẻ:..............................

Đảm bảo thiết bị và các yêu cầu theo quy định……………………..........

- Phòng ngủ: diện tích trung bình m2/trẻ……………..

- Phòng vệ sinh: diện tích trung bình m2/trẻ ……và các yêu cầu theo quy định …

- Hiên chơi: diện tích trung bình m2/trẻ……………..và đảm báo các quy cách…..

b, Khối phòng phục vụ học tập:

- Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: diện tích……thiết bị, đồ dùng……………

- Phòng vi tính (mức độ 2): diện tích ………… thiết bị....................

c) Khối phòng tổ chức ăn ………………………………..……….....

- Khu vực bếp: diện tích………. thiết bị, đồ dùng………………….

- Kho thực phẩm:…………………… ………………………………

- Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn:……………………………………… ….

d) Khối phòng hành chính quản trị:…………………………….……

- Diện tích và trang thiết bị: Văn phòng trường; Phòng Hiệu trưởng; Phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính quản trị; phòng y tế, phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên …………………………

- Phòng hội trường (mức độ 2): diện tích ……thiết bị……………

5. Sân vườn: diện tích, thiết kế ………………………

(Mức độ 2) Có khu chơi giao thông …………………….sân khấu ngoài trời …

Đánh giá tiêu chuẩn quy mô trường, lớp, CSVC và thiết bị: Đạt/chưa đạt

**V. Thực hiện xã hội hoá giáo dục**

1. Công tác tham mưu phát triển giáo dục mầm non: ………………………….

2. Các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội: ............................................................................................................................

3. Huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: …………………………………………

Đánh giá tiêu chuẩn XHH GD: Đạt/chưa đạt

**C. Kết luận**:

Nhà trường đạt/chưa đạt các tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (2) ……

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | *...........ngày.....tháng.........năm 20...........* | |
| **Thư ký**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **Đại diện nhà trường**  *(Ký tên, đóng dấu)* | | **Đại diện UBND** ...............  *(Ký tên, đóng dấu)* |